

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN N  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2020/HNGĐ - ST  
Ngày: 30/10/2020  
V/v: *Tranh chấp ly hôn.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N – TP CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đặng Thị Huệ**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tấn Triều
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Huệ;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ An Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân quận N.

Ngày 30 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 388/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/8/2020 về việc “**Tranh chấp ly hôn**”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 632/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/9/2020, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Bà **Trương Thị N**, sinh năm 1987 – Có mặt.

ĐKTT: Ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: 30C/14 N, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

**\* Bị đơn:** Ông **Mai Vũ C**, sinh năm 1985 – Vắng mặt.

ĐKTT: 112/79 N, phường T (phường A cũ), quận N, thành phố Cần Thơ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn – Bà N trình bày:*

Bà và ông C tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2006, nhưng đến năm 2010 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Theo bà, quá trình chung sống vợ chồng có khoảng 1-2 năm đầu hạnh phúc, nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã mà nguyên nhân chủ yếu là do ông C hay uống rượu, say xỉn, thiếu sự quan tâm đến gia đình. Bà đã nhiều lần khuyên can nhưng không có kết quả, nên vợ chồng ngày càng xa cách, không có tiếng nói chung. Do vậy, bà đã bỏ ra ngoài sinh sống từ năm 2013 và ly thân với ông C từ đó đến nay. Nay xét thấy tình cảm đối với ông C không còn, nên bà có đơn xin được ly hôn với ông C.

Về con chung: Có 01 người con chung là Mai Vũ Hồng Y (nữ), sinh ngày 24/9/2006. Do cháu Y từ nhỏ đã sống với ông C nên sau khi ly hôn, bà thống nhất tiếp tục giao cháu Y cho ông C nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn – Ông Mai Vũ C: Đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông C theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên toà :*

Ông C vắng mặt.

Bà N vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông C và trình bày như trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần có ký nhận các văn bản tổng đạt của Tòa án đầy đủ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông C là hoàn toàn phù hợp.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bà N và ông C tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quá trình hôn nhân qua trình bày của nguyên đơn cho thấy: do ông C thường xuyên uống rượu, say xỉn và thiếu sự quan tâm đến gia đình, dẫn đến vợ chồng hay cãi vã, không có tiếng nói chung. Do bất đồng quan điểm nên bà N đã rời khỏi nhà và ly thân với ông C từ năm 2013 và cho đến nay các bên không có bất cứ biện pháp hàn gắn tình cảm nào. Nay bà N có đơn xin ly hôn, phía ông C vắng mặt, điều này cho thấy ông C không còn sự quan tâm đến cuộc hôn nhân này và những mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng như nguyên đơn trình bày là sự thật và đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N, để cả hai có cuộc sống riêng là phù hợp.

[4] Về con chung: Cháu Mai Vũ Hồng Y (nữ), sinh ngày 24/9/2006 từ trước đến nay do ông C nuôi dưỡng. Nay, cháu có bản tự khai thể hiện nguyện vọng là được tiếp tục sống với ba, do vậy đây là căn cứ để tiếp tục giao cháu cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do ông C không có yêu cầu, bà N cũng không đưa ra vấn đề tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N xác định không có nên không đặt ra xem xét. Khi có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Căn cứ vào:**

Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228 và 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **Trương Thị N** đối với ông **Mai Vũ C**.

2/ Về con chung: Giao cháu Mai Vũ Hồng Y (nữ), sinh ngày 24/9/2006 cho ông Mai Vũ C trực tiếp nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, không đặt ra xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà N theo luật định, không ai có quyền ngăn cản.

3/ Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

4/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu 300.000 đồng chuyển tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 002825 ngày 20/7/2020 thành án phí.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

#### **Nơi nhận:**

- Đường sự;
- VKSND quận NK;
- VKSND TPCT;
- TAND TPCT;
- THA;
- UBND phường T (phường A cũ);
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

**ĐẶNG THỊ HUỆ**